



Nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt năm 2006. Ảnh: Nguyễn Hạnh

## NHỚ LẠI VÀ SUY NGHĨ

*Năm 2008, Tạp chí Xưa và Nay nhận được bản thảo Võ Văn Kiệt - Trí tuệ và sáng tạo của nhà văn Hoàng Lại Giang chấp bút cho nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt. Năm 2022, kỷ niệm 100 năm ngày sinh của cố Thủ tướng, truyện lịch sử Võ Văn Kiệt - Trí tuệ và sáng tạo đã được Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản (gồm 3 tập). Nhân kỷ niệm 16 năm ngày mất của cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt (11/6/2008-11/6/2024), Tạp chí Xưa và Nay trân trọng giới thiệu bài viết "Nhớ lại và suy nghĩ" của cố Thủ tướng. Đây là bài viết trong chương cuối của bản thảo năm 2008 mà Tạp chí đã nhận được, nhưng chưa có dịp giới thiệu với bạn đọc.*

### VÕ VĂN KIẾT

Tôi may mắn được gặp Đảng sớm. Đó là năm tôi vừa tròn 16 tuổi, lứa tuổi luôn cảm thấy tù túng giữa những dòng kinh rạch chằng chịt quê hương Vũng Liêm - Vĩnh Long - của tôi. Nhiều năm sau này nhớ lại, ngẫm suy, tôi luôn tự hỏi, rũi thời đó, tôi không gặp được những người Cộng sản đã mở đường cho tôi, thì cuộc đời tôi không biết sẽ rẽ theo hướng nào. Những người Cộng sản đầu tiên tôi được tiếp xúc luôn sống trong kỷ ức tôi bởi tư cách cao thượng của họ, bởi bên trong

cuộc sống bình dị của họ là đức hy sinh cao cả, là lý tưởng đẹp mà họ mang trong dòng máu mình. Đầu tiên là các anh Đỗ Tấn Nén, Hà Văn Út và sau này là chị Tư Hồng, người phụ nữ mà tôi luôn tôn kính và coi như người chị gái của mình. Và sau đó không lâu là anh Tạ Uyên, người đã trực tiếp kết nạp tôi vào Đảng.

May mắn thứ hai của cuộc đời tôi là ở tuổi 18 tôi đã là chứng nhân của cuộc khởi nghĩa Nam kỳ, đúng ra tôi là một trong những người phụ trách đánh phá Nước Xoáy đêm 22 tháng 11 năm 1940. Tôi đã nhìn thấy khí thiêng sông núi của một dân tộc vùng lên giành lại non sông gấm vóc



của mình. Nhưng rồi ngay sau đó lại chứng kiến cảnh tàn sát dã man của kẻ thù đối với những người khởi nghĩa, những người Cộng sản và cảm tình với Cộng sản. Sự hy sinh này thật to lớn. Lần đầu tiên trong đời, tôi cảm nhận được nỗi mất mát, đau thương của một dân tộc!

Chiều 23 tháng 11 năm 1940, tôi trở về làng. Làng ngút trời lửa đỏ. Có nỗi đau nào hơn nỗi đau khi nhìn thấy nhà bà con mình cháy mà không dám chữa và cũng không cách gì chữa nổi. Kẻ thù đã coi quê tôi là "Ổ Cộng sản!". Dân chúng nháo nhác, nhưng không ai trút nỗi đau cho những người Cộng sản. Ngược lại họ dồn nỗi căm hận về phía kẻ thù. Đó chính là thái độ của dân tộc chúng ta khi đất nước bị xâm lăng. Nhiều năm sau này, nghĩ lại sự kiện lịch sử Nam kỳ khởi nghĩa, tôi càng thấm thía sức mạnh của dân tộc chúng ta chính là truyền thống yêu nước, truyền thống dám xả thân. Chính những người Cộng sản đã khơi dậy đúng được mạch ngầm này của dân tộc chúng ta.

Tôi nhớ năm đó trời nắng ồng ồng, nắng hơn những năm trước đó. Mấy anh em chúng tôi nằm ém giữa cánh đồng lúa ba tấc quê hương, chịu cái nắng rát bỏng hết ngày này sang ngày khác.

Là người ăn chịu nắng mưa từ nhỏ, nhưng cái nắng mùa khô năm đó đã làm cho tôi mệt lử, có lúc tưởng kiệt sức không đứng dậy nổi. Nhưng không ngờ cái đối lại càng đáng sợ hơn. Làng đó, quê hương đó, nhà ba tôi đó, nhà chú Hai Chi đó mà không sao dám vô kiếm miếng cơm. Đành phải kéo gié lúa đang ngâm sửa xuống nhai. Nhai rất lười rồi bút cỏ mặt ăn, ăn ngon lành.

Giữa lúc chúng tôi đang lo lúa chín, mọi người đổ ra đồng cắt hết lúa, thì không biết số phận chúng tôi sẽ thế nào. Chính vào lúc đó chị Tư Hồng liên lạc được với chúng tôi. Và cũng từ đó chúng tôi tìm đường về Cà Mau. Rồi Cà Mau bị ruồng, bị bỏ! Một lần nữa những người Cộng sản trung kiên bị bắt, bị tử hình, bị tù đầy. Số còn sống sót tìm đường chạy về Rạch Giá. Rồi Rạch Giá lại bị bế bạc, anh chị em lại chạy về Cà Mau!!!

Những tổn thất mà những người Cộng sản phải chịu đựng thật không gì so sánh được. Trước và sau Nam kỳ khởi nghĩa, hàng loạt những cán bộ trung kiên của Đảng đã bị bắt, bị đầy đi các nhà tù, bị tử hình. Từ đồng chí Võ Văn Tần Bí thư Xứ ủy tới đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai Bí thư Thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn. Từ anh Tạ Uyên thay anh Võ Văn Tần giữ chức Bí thư Xứ ủy tới anh Phan Đăng Lưu Ủy viên Trung ương Đảng. Anh Lê Duẩn cũng bị bắt trong thời kỳ này. Nhưng may mắn anh thoát án tử hình, chỉ bị tù chung thân và đày ra Côn Đảo.

Sự hy sinh, sự mất mát của những người Cộng sản trước, trong và sau cuộc khởi nghĩa Nam kỳ là vô cùng to lớn. Cách mạng một lần nữa lại bước vào thời thoái trào. Nhưng một lần nữa nhân dân lại thấy ý chí của Đảng, quyết tâm của Đảng trước những thách thức lớn lao của dân tộc khi đất nước còn bị xâm lăng.

Cho tới hôm nay vẫn còn không ít người cho rằng khởi nghĩa Nam kỳ là cuộc tập dượt để năm 1945 nhân dân Nam kỳ xuống đường làm cuộc Cách mạng tháng Tám. Tôi không nghĩ như vậy và chưa bao giờ dám nghĩ như vậy. Ở Bắc bộ, ở Trung bộ có cuộc tập dượt nào như ở Nam kỳ năm 1940 đâu mà nhân dân cả hai miền đó, tháng tám năm

1945 đều nổi dậy và giành được chính quyền.

...Rất may mắn chúng ta có được một nhân dân lý tưởng, luôn luôn đứng về phía lẽ phải, về phía chính nghĩa, về phía những người dám xả thân vì nền độc lập dân tộc của nước nhà. Và vì vậy, 5 năm sau khởi nghĩa Nam kỳ, Đảng ta vẫn chớp được thời cơ làm cuộc Cách mạng tháng Tám thành công trong cả nước và tiếp tới là cuộc kháng chiến chống Pháp 9 năm, dẫn tới trận Điện Biên Phủ lịch sử và Hiệp định Genève.

Hiệp định Genève đúng là một mốc lịch sử quan trọng, chấm dứt nền đô hộ gần 80 năm của một đế quốc già nua bảo thủ - đế quốc Pháp. Nhưng không hiểu sao tôi vẫn luôn day dứt về những điều khoản trong bản Hiệp định này. Đọc lại những trang hồi ký của anh Võ Nguyên Giáp và trực tiếp sống ở Nam bộ thời kỳ trước khi phái đoàn ta ký kết Hiệp định Genève, tôi thấy tiếc!

Rất tiếc! Thời đó, cả nước đâu đâu cũng một khí thế bừng bừng! Thế của ta là thế đứng trên đầu thù! Thế của ta là thế chẻ tre. Ở Nam bộ, một bà má bưng rổ đi chợ cũng có thể lấy được giặc! Thế của địch là thế của kẻ chiến bại, hoảng hốt, âu lo, co cụm và tan rã! Thời đó, nhìn lên bản đồ đất nước đâu đâu cũng một màu đỏ, màu của cách mạng, màu của giải phóng! Đúng là người người nô nức, nhà nhà nô nức! Ấy mà khi Hiệp định Genève được ký kết thì không khí nô nức, hồ hởi... bỗng dưng bị chững lại. Đúng là nhân dân mình rất nhạy cảm, đặc biệt là nhạy cảm về chính trị. Chính những bà má ít học kia, chính những nông dân chuyên cầm cuốc, cầm cày kia... lại là những người nhìn thấy trước tiên mặt trái của Hiệp định Genève.

Tôi nhớ cậu chủ nhà tôi ở, chờ tôi đi họp về, mời tôi vào ngồi trên tấm phản, rót rượu trao cho tôi và nói rất thẳng thắn. Cậu mời chủ chén rượu này. Nếu hai năm sau, thẳng địch chịu tổng tuyển cử thì cháu sẽ làm heo đái chú. Còn nếu không có tổng tuyển cử thì chú đi ở chỗ khác! Tôi buộc lòng phải cung ly với cháu. Nhưng tôi cũng buộc lòng phải chuyển chỗ ở đi nơi khác!

Rất may là Bác và Trung ương Đảng đã thấy điều này và phái đồng chí Lê Duẩn vào. Thời điểm này chỉ có anh Ba Duẩn với uy tín vốn có của mình đối với đồng bào Nam bộ mới thuyết phục được nhân dân yên tâm, tin ở Đảng và Bác. Nhiều năm sau này, được làm việc gần anh Phạm Văn Đồng, tôi định hỏi anh về việc này. Giá như anh có cơ chừng một tháng hay mười, mười lăm ngày nữa thôi thì tình hình chắc chắn sẽ khác. Giá như anh đưa ra giải pháp da beo, như Hiệp định Paris sau này thì tình hình chắc sẽ thuận lợi hơn nhiều. Tất nhiên tôi hiểu tình hình thế giới, đặc biệt là sức ép của hai ông anh mình là rất lớn. Nhưng tôi vẫn muốn ước, vẫn muốn giá như...

Bởi sau Hiệp định Genève, ai cũng biết, ở miền Nam từ vĩ tuyến 17 trở vào là thời kỳ thoái trào của cách mạng. Trong khi nhân dân, ngay từ đầu đã không tin sự thật thà của kẻ thù trong công cuộc hiệp thương, tổng tuyển cử, thống nhất nước nhà thì một số lãnh đạo của ta lại ngã theo xu hướng đấu tranh hòa bình buộc kẻ thù phải thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Genève.

Nhờ sống ở miền Nam trong những năm đầu Hiệp định Genève, đồng chí Lê Duẩn đã bắt ngay được thâm ý của kẻ thù. Trong khi lệnh của Trung ương là đưa Xứ ủy vào





Ông Võ Văn Kiệt, Bí thư Khu ủy SG-GĐ phát biểu tại Đại hội văn nghệ sĩ SG-GĐ (tháng 1-1963).  
Ảnh: Tư liệu

ngay giữa Sài Gòn, để gần Ủy ban Quốc tế, để đủ phương tiện đấu tranh với kẻ thù, thì đồng chí Lê Duẩn từ thực tế miền Nam đã quyết định đưa ngay Xứ ủy qua nương nhờ bên đất Campuchia láng giềng. Giờ nghĩ lại, tôi càng thấy đây là một quyết định vô cùng sáng suốt. Nếu không có quyết định này, hoặc quyết định này đưa ra chậm, chắc chắn chúng ta sẽ bị tổn thất nhiều hơn nữa, đặc biệt là sự hy sinh của lãnh đạo Xứ ủy.

Từ thực tế miền Nam lúc bấy giờ, đồng chí Lê Duẩn đã viết *Dự thảo đường lối Cách mạng Việt Nam ở miền Nam*. Tôi nhớ cả Xứ ủy đã trao đổi, thảo luận đấu tranh gay gắt suốt một tháng ở Phnôm-pênh về *Dự thảo đường lối cách mạng* này. Cuối cùng tất cả đều nhất trí ở miền Nam không thể đấu tranh hòa bình để thống nhất đất nước, mà phải đấu tranh với kẻ thù bằng bạo lực cách mạng. Đó là con đường duy nhất đúng. Nhưng khi anh Ba Duẩn mang *Dự thảo* ra Trung ương thì *Dự thảo* chưa được Trung ương đồng tình, mặc dù anh đã mời anh Phan Văn Đáng Phó Bí thư Xứ ủy và anh Phạm Văn Xô Ủy viên Xứ ủy ra Hà Nội để cùng anh thuyết phục thêm.

Đây là một sự kiện lịch sử có ý nghĩa vô cùng quan trọng của Đảng ta, ảnh hưởng trực tiếp đến công cuộc giải phóng đất nước của toàn dân tộc giữa một xu thế của tình hình thế giới có nhiều biến động không có lợi cho cách mạng Việt Nam. Kẻ thù quyết dùng bạo lực dồn những người Cộng sản vào con đường cùng, một là chết hai là đầu hàng. Những năm 1956-1957-1958, ở miền Nam, Đảng gần như tê liệt! Không biết bao nhiêu xương máu của những người Cộng sản, của những người cảm tình với Cộng sản đã đổ xuống trên khắp miền Nam, đẩy cách mạng Việt Nam vào thời thoái trào!

Chính vào lúc này tôi được cử giữ chức Bí thư Sài Gòn - Chợ Lớn, thay anh Mười Cúc - Nguyễn Văn Linh - giữ chức Bí thư Xứ ủy. Đây là một bước ngoặt lớn trong cuộc đời tôi. Tôi sinh ra, lớn lên, sống và chiến đấu ở miền Tây, một vùng đất quen thuộc chằng chịt kinh rạch. Sài Gòn - Chợ Lớn lại hoàn toàn khác hẳn. Đây là một thành phố lớn nhất nước, dân tứ xứ lưu hợp về đây rất đông. Và đây cũng

là trung tâm đầu não của kẻ thù. Nhưng vốn tính linh hoạt và ưa khám phá, tôi đã nhận chức Bí thư qua bàn giao của anh Mười Cúc.

Tôi hơi bất ngờ khi nhận "tài sản" trực tiếp của một Thành ủy như Sài Gòn - Chợ Lớn chỉ mỗi chị Năm Hộ<sup>(1)</sup>. Chị Năm Hộ là một phụ nữ hoạt động nội thành dày kinh nghiệm. Nhờ chị tôi gặp được một số thường vụ, thành ủy viên Sài Gòn - Chợ Lớn. Nhưng gặp, làm việc xong, khi trở về tất cả đều bị bắt. Có người chịu được đòn tra tấn của kẻ thù, giữ vững khí tiết, nhưng cũng không ít người không chịu nổi, khai ra. Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn dần dần bể bạc!!! Trong tình hình như vậy, tôi thấy không còn con đường nào khác là xây dựng một thành ủy mới, cắt đứt mọi liên hệ với thành ủy cũ đang bị kẻ thù theo dõi từng động tĩnh một. Vấn đề khó khăn và phức tạp là người. Người ở đâu bây giờ? Và người nào đủ tiêu chuẩn để có thể vào thành ủy mới giữa thời kỳ căng thẳng, còn mất này? Nhiều đêm nằm gác tay lên trán suy đi nghĩ lại với hai chữ người đâu? Và cuối cùng tôi đành phải ứng biến: xin, mượn và chọn lớp trẻ ở thành phố. Tôi không ngờ cuộc "cách mạng" này lại kết quả. Nhiều người từ miền Tây, từ Sài Gòn, từ miền Đông... lần lượt trở về hình thành một bộ khung của thành ủy mới thời chống Mỹ. Nhiều người còn sống cho tới Mậu Thân, cho tới sau ngày thống nhất đất nước.

Ở đây phải nói một điều rất quan trọng, đó là sự ủng hộ hết mình của Xứ ủy, đặc biệt là của anh Mười Cúc. Nhiều năm sau này nhớ lại, tôi có làm được, có đóng góp được gì đó cho cách mạng thì phần quan trọng là nhờ sự ủng hộ nhiệt tình của Xứ ủy. Sự cố gắng và mưu trí của từng thành ủy viên, từng thường vụ thành ủy và của anh chị em từ giao liên, cảnh vệ tới hậu cần... thời ấy gắn bó với nhau thật tình cảm và luôn luôn tin tưởng ở Xứ ủy, coi Xứ ủy là chỗ dựa tin cậy của mình.

Vấn đề thứ hai tôi định nói ở đây là đất. Cả cơ quan thành ủy như Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn mà không có một chỗ đất cắm dùi thì quả là nạn giải. Không an cư sao lạc nghiệp! Lại nghĩ. Lại tính. Tính tới tính lui, trước mắt chưa thể nào



vô thành phố nổi. Đành phải mượn đất Tây Ninh. Các anh Tây Ninh rất tốt, đặc biệt là anh Huyện Bí thư Tỉnh ủy. Tôi và anh Huyện có vinh dự ra Việt Bắc dự Đại hội Đảng lần thứ II và cả hai cùng được trở về quê hương tiếp tục hoạt động. Từ Tây Ninh, nếu “động” chúng tôi có thể chạy qua Campuchia. Nhưng từ biên giới Tây Ninh mà lãnh đạo Sài Gòn - Chợ Lớn thì quả có nhiều trở ngại. Và cũng từ khó khăn này, chúng tôi xin Xứ ủy cho sáp nhập Gia Định vào Sài Gòn. Với chúng tôi thời ấy, Gia Định là vùng đệm, từ Gia Định, chúng tôi có thể vào các cơ sở ở Sài Gòn, Chợ Lớn. Và cũng từ Gia Định, khi bị cản, chúng tôi có thể rút về Tây Ninh, chạy qua phía Campuchia.

Đó là cách tính tiến thoái của các nhà quân sự. Nhưng thực lòng cả Thành ủy chúng tôi lúc đó chỉ nghĩ làm cách nào để vào Sài Gòn. Không thể lãnh đạo có kết quả khi xa dân. Phải tin dân và dựa vào dân. Dân mình cực kỳ tốt. Không những tốt mà còn ngoan cường, dám xả thân vì đại nghĩa. Với suy nghĩ đó, chúng tôi bàn rất ráo việc trở vào nội thành, bám vào dân để dần dần thấy Đảng, thấy cách mạng trong muôn ngàn khó khăn, trong hoàn cảnh nhất tử nhất sinh vẫn ở bên họ và được họ chăm sóc, nuôi nấng và giúp đỡ hết mình. Khẩu hiệu “Đội ngủ hầm” mà vô với dân ngay trong ấp chiến lược của kẻ thù ra đời từ đó. Và cũng từ đó hình thành trở lại các ban phụ vận, trí vận, thanh vận, tôn giáo vận, công vận, nông vận, binh vận, Hoa vận...

Tôi nghĩ không phải tự nhiên mà khi về nước Bác quyết định thành lập Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân. Tại sao Bác không lập “Giải phóng quân Việt Nam” mà lại đặt “tuyên truyền” lên trước. Những lúc thoải trào như thế này, nhiều quân không còn nổi một chi bộ, chúng tôi mới thấm hết ý nghĩa sâu sắc về cách hành xử của Bác. Đảng và Bác đã học được ở người xưa, ở cụ Mạnh Tử rất nhiều, lấy dân làm trọng, Bác coi cuộc giải phóng này là của dân. Dân hiểu, dân nghe, dân tin thì đó chính là nước đỡ thuyền. Chính nhờ biết vận động, tuyên truyền làm chính, các ban, ngành của Thành ủy Sài Gòn - Gia Định đã đạt nhiều kết quả ngoài ý muốn. Hầu hết các trí thức và đại trí thức đi theo cách mạng, số vào bưng biền cùng chịu cam go với những người Cộng sản, số ở lại đã làm hết sức mình để ủng hộ cách mạng. Rồi các nhà tư sản, các giáo phái, không chỉ có quần chúng có đạo theo cách mạng mà có cả các chức sắc nữa luôn đứng về phía ta và sẵn sàng hy sinh vì công cuộc giải phóng dân tộc. Tôi muốn nói, ngay những người lính bên kia chiến tuyến, ngoài một số ít được ta cài vào, có không ít người vì bắt buộc phải cầm súng. Khi tham chiến không ít người đã bắn lên trời hoặc tìm cách lẩn trốn. Đó chính là công tuyên truyền của các đồng chí hoạt động nội thành. Cho nên, theo tôi, nên nhìn cuộc chiến tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng là cuộc chiến tranh nhân dân. Có lúc chính trị là chính, có khi quân sự là chính. Nhưng thường quân sự và chính trị kết hợp chặt chẽ với nhau, hỗ trợ lẫn nhau.

Ở Sài Gòn, những năm tháng này, tôi còn chứng kiến một lực lượng thứ ba, đứng đầu là Luật sư Trịnh Đình Thảo và nhiều trí thức và các giáo phái sẵn sàng tham gia chống lại chế độ Nguyễn Văn Thiệu. Trên công luận những năm này, các báo đối lập cũng là một hiện tượng đáng được trân trọng và ghi nhớ. Những nhà báo như Hồ Ngọc

Nhuận, Ngô Công Đức, Dương Văn Ba... đã lên án mạnh mẽ chính sách độc tài, độc đoán, chính sách tàn bạo mất dân chủ của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu. Sáng sớm mỗi ngày, người dân Sài Gòn chờ báo *Tia Sáng* ra để đọc, để coi thử chế độ Nguyễn Văn Thiệu đã lung lay đến mức nào. Và không ít lần, các anh đã dẫn đầu những đoàn biểu tình thẳng tới Dinh Độc Lập đòi chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, đòi Thiệu từ chức, đòi Mỹ rút quân về nước. Sau những cuộc biểu tình ấy là những cuộc bắt bớ, tàn sát những người yêu nước. Nhiều người đã lẩn trốn và chạy ra sống lưu vong ở nước ngoài như anh Ngô Công Đức... Nhìn ở góc độ một Bí thư Thành ủy những năm tháng ác liệt đó, tôi đánh giá rất cao công lao của các anh và cho tới hôm nay, tôi vẫn cho cách đánh giá ấy là đúng.

Ngay từ những ngày đầu cách mạng, Bác đã nhìn thấy rõ lòng yêu nước trong mỗi người dân Việt Nam. Lòng yêu nước, theo Bác có khi được trưng bày trong binh pha lê, lấp lánh sáng ngời, nhưng cũng có khi được giấu trong những nơi kín đáo, phải biết cách tìm và tìm đúng chỗ mới nhìn thấy được. Chính lòng yêu nước này của nhân dân ta đã giúp cho Thành ủy Sài Gòn - Gia Định trụ được và phát triển ngày một vững chắc. Cho tới năm 1967, chúng tôi đã có một Sài Gòn - Gia Định vững mạnh từ chính trị cho tới quân sự. Cũng như toàn miền Nam lúc đó, vùng tự do được nối liền từ xã này tới xã khác, từ quận này tới quận khác, từ trung ương cục xuống các tỉnh thành... Ngay giữa Sài Gòn lúc này, nhiều vùng tự do cài rặng lược với những căn cứ quân sự của kẻ thù. Ấp chiến lược đã bị phá sản.

Chính tình hình đó là cơ sở để Trung ương và Bộ Chính trị quyết định làm cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968. Cuộc tập kích chiến lược này đã có nhiều cuộc hội thảo, nhưng thật chưa dễ có sự đồng thuận. Riêng tôi cho tới hôm nay, tôi vẫn nghĩ đó là cuộc tập kích chiến lược cần thiết. Vào thời điểm đó, như trên tôi đã nói, thế của ta đã vững, sức của ta đủ mạnh để giáng cho kẻ thù những đòn bất ngờ. Nhưng theo cách tuyên truyền của Nixon thì người Mỹ đã làm chủ được tình hình ở Việt Nam. Với vũ khí hiện đại, người Mỹ có thể “chụp” Việt cộng bất kỳ lúc nào và ở đâu. Nhiều người Mỹ đã tin vào luận điệu tuyên truyền đó. Cuộc tập kích chiến lược Mậu Thân năm 1968 đã cho người Mỹ thấy ngược lại, chính Việt cộng muốn đánh người Mỹ bất kỳ ở đâu và lúc nào họ muốn.

Chính cuộc tập kích chiến lược này cùng với Khe Sanh và Đường 9 Nam Lào đã buộc nhân dân Mỹ xuống đường và lên án chính quyền Nixon. Họ không cho Nixon kéo dài chiến tranh và Nixon không còn chọn lựa nào khác là buộc phải ngồi vào bàn đàm phán với Việt cộng ở Paris.

Tất nhiên không có vinh quang nào, không có chiến thắng nào mà không phải trả giá. Và cái giá ở Mậu Thân năm 1968 là cao đối với ta. Giá như cuộc tập kích chiến lược đó chỉ dừng lại ở trận đầu là vừa và tổn thất của ta không đến nỗi như khi tiếp tục Mậu Thân II và III.

Cuộc đời tôi không ngờ tới đây lại chuyển qua một khúc ngoặt, đúng ra đó là cuộc trở lại quê hương miền Tây của tôi. Miền Tây sau Mậu Thân đúng là “không yên tĩnh”. Lãnh đạo khu ủy có nhiều bất đồng. Rồi việc rút quân từ đồng bằng lên chi viện cho thành phố - điều mà tôi hết sức can ngăn - đã khiến cho miền Tây lâm vào thế bị động, bị kẻ thù



liên tục lấn chiếm. Dân mất, đất thu hẹp lại. Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố đẩy Việt cộng ra biển Cà Mau. Trong lúc đó quân ta, trong thế thất trận lại sống buông thả. Anh Lê Đức Anh, anh Vũ Đình Liệu... cùng Đảng ủy miền Tây họp bàn tìm mọi cách chấn chỉnh lại. Một trong những việc chấn chỉnh đó là quyết định cấm cán bộ và chiến sĩ ta uống rượu. Tôi thấy đây là một quyết định đúng đắn trong hoàn cảnh miền Tây lúc bấy giờ. Điều tệ hại là sự buông thả của anh em mình đã làm suy yếu lực lượng mình và làm cho nhân dân mất lòng tin nơi Đảng và cách mạng.

Nhưng tôi thấy quyết định cấm rượu đã phổ biến xuống từng đơn vị, nhưng đi đâu ai cũng thấy anh em mình nhậu say suốt ngày lẫn đêm. Khi tìm hiểu mới hay anh em cấp dưới lại “noi gương” anh em cấp trên. Cấm dưới mà trên không nghiêm thì làm sao cấm được. Cuối cùng thì Khu ủy T3 đã nhìn thấy phải bắt đầu từ trên xuống.

Quân đội được củng cố lại và từ đó dân lại nhìn thấy hình ảnh anh bộ đội Cụ Hồ trở lại sống trong sáng, giản dị, sẵn sàng xả thân vì cách mạng. Điều thứ hai ở miền Tây tôi còn giữ được nhiều kỷ niệm đó là quyết định của Khu ủy đưa quân trở về sống với dân. Kinh nghiệm đã cho những nhà lãnh đạo chiến trường hiểu rằng không thể sống xa dân mà đạt được kết quả. Đảng phải gắn kết với dân làm một. Dân không thể thiếu Đảng và Đảng không thể hoạt động nếu không có dân bao che đùm bọc.

Bắt đầu từ những quyết định đúng đắn đó, tình hình miền Tây biến chuyển ngày càng có lợi cho cách mạng. Thế và lực giữa ta và địch dần dần trở lại cân bằng, có nơi có lúc chúng ta đã áp đảo được kẻ thù. Cho tới Hiệp định Paris được ký kết thì chúng ta đã làm chủ tình hình. Kẻ thù đã không thể làm mưa làm gió như mấy năm đầu sau Mậu Thân. Cùng lúc đó, các ban ngành ở miền Tây cũng được kiện toàn lại, bám chân rết vào mọi tầng lớp nhân dân. Nhân dân lại trở thành tai mắt cho chúng ta, thành tham mưu cho chúng ta. Bài học mà Khu ủy T3 rút ra từ đây lại vẫn là dân, biết dựa vào dân, được dân thương yêu, đùm bọc, chở che thì đúng là kẻ thù nào chúng ta cũng có thể chiến thắng. Muốn có dân Đảng phải có đường lối đúng đắn, chủ trương phù hợp. Quyết định nào dân chưa thông chưa chịu, dân còn phân vân thì phải coi chừng! Kinh nghiệm, những quyết định như vậy đưa ra thường bị thất bại hơn là thành công.

Tôi rất tiếc tình hình sau Hiệp định Paris lại lặp lại có phần giống như tình hình sau Hiệp định Genève. Chúng ta một lần nữa lại quá tin ở thiện chí của kẻ thù. Ở miền Tây, Khu ủy T3 có những nhận định khác rằng kẻ thù không hề có một chút thiện chí. Việc ký Hiệp định của Nixon là một tấn tuồng làm yên lòng nhân dân Mỹ và dư luận phản đối của nhân dân thế giới, chứ thực chất toan tính của chúng là tìm mọi cách tăng viện trợ quân sự cho chính quyền Nguyễn Văn Thiệu nhằm lấn đất, giành dân, đẩy chúng ta vào thế bị động. Thực tế cho thấy nhiều nơi đã để mất đất, mất dân, vùng giải phóng bị thu hẹp...

Miền Tây chủ động đập địch ngay từ trong âm mưu cầm cờ lấn đất giành dân. Tôi còn nhớ cuộc họp để bàn về quyết định này rất sôi nổi. Nhiều anh chị em ở xa phải đi suốt đêm để kịp về họp. Xáp vào họp, ai ai cũng tỏ rõ sự ủng hộ quyết

định của Khu ủy T3. Hồ hởi, phấn khởi và quyết trừng trị kẻ thù ngay từ trong âm mưu của chúng là không khí của cuộc họp mà tôi vẫn còn nhớ rất rõ cho tới hôm nay.

Cuối cùng thì anh Ba Duẩn và Bộ Chính trị cũng thấy cần phải được nghe cụ thể những ý kiến của lãnh đạo từ các chiến trường. Các anh làm việc rất khẩn trương và dân chủ, từng ủy viên Bộ Chính trị lắng nghe phát biểu của từng đại biểu. Sau cùng toàn thể Bộ Chính trị nghe lại từng ý kiến xuôi ngược của các đại diện ở từng chiến trường để có những quyết định phù hợp.

Chúng ta không thể nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định trong khi kẻ thù ngay từ đầu đã phá hoại hiệp định.

Thực tế cho thấy đó là một cách nhìn mới phù hợp, đúng đắn và kịp thời. Và chưa đầy hai năm sau kể từ quyết định đó ra đời, chúng ta đã có đại thắng mùa Xuân 30 tháng 4 năm 1975.

Tôi nhớ mãi câu nói của đồng chí Lê Duẩn sau ngày thống nhất đất nước, khi đồng chí vừa bước xuống sân bay Tân Sơn Nhất: *Thắng lợi này là thắng lợi của cả dân tộc Việt Nam chứ không của riêng ai.* Cuộc chiến tranh kéo dài suốt 30 năm. Suốt 30 năm, mọi người Việt Nam yêu nước hoặc ít hoặc nhiều đã đóng góp vào cho cuộc chiến thắng này. Ngoại trừ một số ít làm tay sai bán nước, còn đại bộ phận dân tộc chúng ta đều yêu nước, mỗi người yêu nước bằng cách riêng của mình.

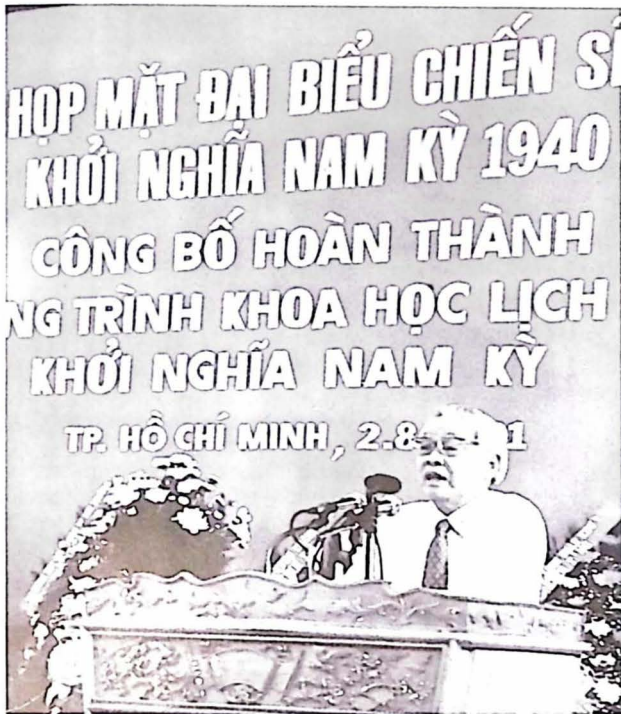
Ở đây tôi muốn nói về trường hợp Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Dương Văn Minh. Anh Dương Văn Minh đã không còn trên cõi đời này nữa. Nhưng những gì mà anh đã làm trong gần 3 ngày làm tổng thống vẫn còn đó. Anh Dương Văn Minh chưa hiểu, hay hiểu chưa đúng về Cộng sản và những người Cộng sản. Nhưng như vậy không có nghĩa là anh Dương Văn Minh không phải là người yêu nước. Tôi không đồng nhất yêu chủ nghĩa xã hội là yêu nước. Nhiều người, chứ không riêng gì anh Dương Văn Minh, chưa hiểu về chủ nghĩa xã hội, nhưng ai cũng mang trong mình dòng máu Lạc Hồng. Nếu anh Dương Văn Minh không yêu nước, anh không bao giờ nhận chức tổng thống khi mà cái thế và lực của quân đội Việt Nam Cộng hòa không còn chút hy vọng nào nữa. Và như vậy anh có thể rời khỏi đất nước lúc nào cũng được, mặc cho đất nước, cho Sài Gòn ra sao cũng được. Vào thời điểm đó không phải không có người muốn tử thủ với Sài Gòn, không phải không có người muốn giữ miền Tây đang còn nguyên vẹn.

Chấp nhận làm Tổng thống để tìm một giải pháp hòa bình cho dân tộc, kể cả đầu hàng của anh Dương Văn Minh là biểu hiện một tấm lòng đối với dân, với nước. Với tư cách là Bí thư Ban Quân quản Sài Gòn - Gia Định, tôi rất biết ơn anh Dương Văn Minh đã tạo cho Quân Giải phóng những điều kiện thuận lợi khi tiếp quản một Sài Gòn và miền Tây đất nước nguyên vẹn.

Hiểu như vậy để thấy căn dặn của anh Ba Duẩn là sâu sắc. Từ nhân dân mà ra, lực lượng vũ trang của ta không bao giờ tách rời lực lượng chính trị. Chính trị ở đây là vận động, tuyên truyền, là cư xử và hành động sao cho dân thương, dân quý... để cuối cùng chúng ta biến cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc thành cuộc chiến tranh nhân dân.

Sự hy sinh của nhân dân trong cuộc chiến tranh 30 năm vừa





Nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt phát biểu tổng kết công trình khoa học "Lịch sử khởi nghĩa Nam kỳ", ngày 2-8-2001 tại TP.HCM. Ảnh: NH

qua là không gì bù đắp được. Điều quan trọng là sau chiến tranh, chúng ta làm cách nào để hàn gắn những vết thương chiến tranh của cả dân tộc không phân biệt là bên này hay bên kia. Một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, công bằng và dân chủ là mục tiêu của chúng ta. Nhưng rất tiếc do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, chúng ta đã bỏ qua nhiều cơ hội. Trong bối cảnh hiện tại, chậm một năm cũng đã là một mất mát, một thiệt thòi cho đất nước, cho nhân dân, hưởng chi đây, chúng ta để chậm cả hàng chục năm. Một thập niên lỡ nhịp đó, chúng ta để ngay các nước trong khu vực vượt qua. Khi giật mình tỉnh lại, chúng ta mới nhận ra những sai lầm về đường lối của mình.

Sự dưng cảm nhận ra sự thật để hướng tới tương lai của Đại hội Đảng lần thứ VI đã đưa Đảng trở lại với dân và dân với Đảng. Đại hội Đảng lần thứ VI cũng chỉ ra cho thấy Việt Nam đang ở đâu trong bảng xếp hạng của các nước phát triển và đang phát triển. Ngày nay có không ít người hỏi tại sao sau 10 năm chúng ta mới chịu đổi mới? Đó là câu hỏi mà không trước thì sau chúng ta cũng phải trả lời. Nhìn thẳng vào sự thật, tôi cho rằng ngoài những nguyên nhân khách quan, thì hào quang của chiến thắng toàn vẹn 30 tháng 4 năm 1975 lớn quá; chính nó đã che khuất tầm nhìn chiến lược và chiến thuật của chúng ta. Bệnh chủ quan, tự mãn đã làm nghèo đi biết bao dự báo mà một dân tộc như dân tộc chúng ta có thể thực thi để đưa đất nước sớm thoát khỏi nghèo đói. Bây giờ sau 30 năm chiến tranh, nhìn qua Thái Lan, Singapore..., chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy chúng ta có trách nhiệm chính trong hoạch định đường lối ở Đại hội Đảng lần thứ IV và Đại hội Đảng lần thứ V. Và bây giờ gần 20 năm đổi mới, chúng ta chỉ thấy tiến bộ hơn so với chính chúng ta, còn khoảng cách giữa chúng

ta với các nước trong khu vực rõ ràng chưa thay đổi được bao nhiêu.

Cùng với sự tiến bộ mà chúng ta và bạn bè thế giới nhìn thấy, chúng ta cũng bộc lộ không ít những hạn chế, khuyết điểm và cả những sai lầm nữa. Một trong những sai lầm mà tôi quan tâm hàng đầu đó là con người và cách dùng người. Hôm qua, những con người đó sống và chiến đấu như những anh hùng, hôm nay cũng chính những con người đó đã tự buông thả, đúng hơn quên mất mình là nô bộc của dân, sống xa dân, coi cuộc sống vật chất là mục đích của đời mình mà quên đi lý tưởng cách mạng mà Đảng và Bác đã dày công dạy dỗ. Trong số đó rất tiếc là có không ít những lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước. Người xưa nói: "Thượng bất chính, hạ tắc loạn", cấp trên mà làm nhiều điều không đúng, thật khó đòi hỏi cấp dưới sống và làm việc nghiêm chỉnh được.

Tôi nghĩ, giữa năm tháng ác liệt nhất, anh Ba Duẩn dám dùng anh Phạm Ngọc Thảo, một người ngoài Đảng, một Công giáo dòng, để đưa vào giữa lòng địch, làm một tình báo chiến lược. Và những đóng góp của anh Phạm Ngọc Thảo cho cách mạng miền Nam Việt Nam những năm đầu sau Hiệp định Genève là đáng được ghi nhận. Và cuối cùng anh đã chết như một người anh hùng. Cách dùng người của Bác Hồ, của anh Lê Duẩn đã làm tôi suy nghĩ nhiều.

Dùng người là phép thuật, là nghệ thuật. Đất nước ta không thiếu hiền tài. Điều quan trọng là chúng ta phải biết trọng dụng thật sự, biết khiêm tốn lắng nghe những lời nói thẳng và mạnh dạn điều chỉnh ngay những bất ổn trong chính đường lối và chủ trương của mình.

Đồng chí Trường Chinh là một ví dụ sinh động về sự tự điều chỉnh ngay chính mình. Vốn là một người rất cứng, rất nguyên tắc. Nhưng khi đồng chí chủ động khám phá ra một thực tế khác với những gì mà lâu nay đồng chí đeo đuổi và thực hiện, đồng chí dám phủ định chính mình hôm qua để mở đường cho công cuộc đổi mới, đưa đất nước đi lên.

Những bài học của những nhà lãnh đạo hàng đầu của chúng ta để lại thật sâu sắc. Điều quan trọng là chúng ta hôm nay có đủ dũng cảm để tiếp thu và thực hiện để đưa đất nước đi lên trên con đường hội nhập đầy thử thách hôm nay hay không.

Điều tôi muốn gợi nhắc lại cho thế hệ trẻ hôm nay là phải biết tìm trong thế hệ lãnh đạo đi trước mình những bài học thành công và cả những bài học thất bại. Đừng quên quá khứ, nhưng cũng đừng coi quá khứ là điểm dừng mà nên hướng về hiện tại và tương lai. Thời đại đã cho phép lớp trẻ hôm nay suy nghĩ khác thế hệ chúng tôi thời ấy, có tầm nhìn thực tế và khôn ngoan hơn thế hệ chúng tôi thời ấy. Thời ấy trước mắt chúng tôi chỉ có Liên Xô và Trung Quốc. Bây giờ thì khác. Các mối quan hệ đã thay đổi.

Phải học Các Mác ở tư duy biện chứng. Không còn chỗ đứng cho những tư duy cũ và cứng nhắc. Dám bút phá và đi lên, đó là đòi hỏi của hơn 70 triệu người dân Việt Nam hôm nay đối với những nhà lãnh đạo thuộc thế hệ thứ năm của cách mạng Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh 25-3-2005.

1. Vợ anh Nguyễn Hộ, tên thật là Trần Thị Thiệt.